

THỦ TỤC YÊU CẦU CHI TRẢ BẢO HIỂM

NĐBH/Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền/Người thụ hưởng bảo hiểm phải thông báo cho BIC bằng văn bản về sự kiện bảo hiểm đã xảy ra, trong vòng 60 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc kể từ ngày ngày ra viện với trường hợp điều trị nội trú.

Quét mã QR để tìm hiểu thêm thông tin về sản phẩm.

Mạng lưới BIC

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

Tầng 11, tòa nhà số 263 Cầu Giấy, P. Cầu Giấy, Hà Nội

1900 9456 bic.vn | mybic.vn Bảo hiểm BIDV - BIC

BIC

BẢO HIỂM TAI NẠN DÀNH CHO GIA ĐÌNH

BIC FAMILY CARE

An tâm trọn vẹn,
Bảo vệ vững vàng



An tâm đồng hành - Vững bước vươn xa

1900 9456 bic.vn | mybic.vn Bảo hiểm BIDV - BIC



BIC FAMILY CARE

BẢO HIỂM TAI NẠN DÀNH CHO GIA ĐÌNH

Chỉ từ
10.000
đồng/người/năm,
bạn đã có thể:

Một hợp đồng duy nhất
- Bảo vệ trọn vẹn
cả gia đình

An tâm trước
mọi rủi ro tai nạn bất ngờ trên
toàn lãnh thổ Việt Nam.

Tiết kiệm chi phí –
Mức phí **siêu nhỏ,**
lợi ích **siêu lớn**

ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

Tất cả thành viên trong cùng một gia đình thỏa mãn điều kiện:

- Công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
- Độ tuổi từ **15 ngày tuổi đến 65 tuổi**
- Không bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên
- Không mắc bệnh tâm thần hoặc không thể làm chủ hành vi
- Không đang điều trị nội trú do bệnh hoặc tai nạn

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Phạm vi bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
Tử vong do tai nạn, mất tích	Chi trả 100% Số tiền bảo hiểm
Thương tật vĩnh viễn do tai nạn	Chi trả bằng Tỷ lệ trả tiền x Số tiền bảo hiểm

(*) Tỷ lệ trả tiền được quy định chi tiết tại "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật vĩnh viễn" ban hành kèm Quy tắc bảo hiểm.

PHÍ BẢO HIỂM

(Đơn vị: đồng)

Chương trình bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm cho cả hộ gia đình	Phí bảo hiểm cho cả hộ gia đình
Chương trình 1	110,000,000	100,000
Chương trình 2	160,000,000	150,000
Chương trình 3	210,000,000	200,000
Chương trình 4	260,000,000	250,000
Chương trình 5	330,000,000	300,000
Chương trình 6	380,000,000	350,000
Chương trình 7	450,000,000	400,000
Chương trình 8	480,000,000	450,000
Chương trình 9	550,000,000	500,000
Chương trình 10	580,000,000	550,000
Chương trình 11	650,000,000	600,000
Chương trình 12	680,000,000	650,000
Chương trình 13	750,000,000	700,000
Chương trình 14	800,000,000	750,000
Chương trình 15	850,000,000	800,000
Chương trình 16	900,000,000	850,000
Chương trình 17	950,000,000	900,000
Chương trình 18	1,000,000,000	950,000
Chương trình 19	1,100,000,000	1,000,00

Số tiền bảo hiểm của mỗi thành viên = Số tiền bảo hiểm của hộ gia đình/số lượng Người được bảo hiểm